

Bản án số: 40/2019/HS-PT
Ngày: 01/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Dương Văn Tuấn

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Các ngày 27/02/2019 và 01/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 04/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và đồng bọn do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2018/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1977 tại xã H, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lê Thị C (đã chết); vợ Lê Thị N và 04 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1973 tại xã H, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 5, xã H, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lê Thị C (đã chết); vợ Lê Thị H và 04 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Các luật sư Trịnh Ngọc N và Lê Ngọc T- Công ty Luật hợp danh Hoàng Gia thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa.

Người bị hại: Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Lê Đình V - Luật sư thuộc công ty luật M.

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà P, 102 đường T, Đống Đa, Hà Nội.

Người làm chứng có mặt tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1982, nơi cư trú: thôn 5, xã H, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1944, nơi cư trú: thôn 5, xã H huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Lê Công C, sinh năm 1985, nơi cư trú: thôn 4, xã H, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 08/02/2018 Nguyễn Văn T1 đi xe ô tô biển kiểm soát 36A - 180.20 đến nhà anh Nguyễn văn H ở thôn 6, xã H để thanh toán tiền dầu cho anh H, lúc này ở sân nhà anh H có các anh Lê Công C, Võ Xuân M đang chơi bi a, còn Trịnh Văn L đứng xem. Khi anh H và T1 đang ngồi uống nước ở hè nhà anh H thì L rủ T1 đánh bài ăn tiền, T1 không chơi và nói với L “mi làm chi có tiền mà chơi”. Nghe nói vậy, L cho rằng T1 khinh L không có tiền nên L chửi bới T1. Bị L chửi bới T1 cầm một lon nước ngọt đang uống dở ném về phía L nhưng không trúng, tiếp đó T1 đứng dậy đi về phía L dùng tay trái tát hai, ba cái vào mặt L. Bị T1 tát L chạy về phía bàn uống nước ở hè cầm một ống điều làm bằng thân cây nứa dùng để hút thuốc Lào định đánh lại T1 thì bị T1 giằng lại, lúc này giữa T1 và L đang ở tư thế mặt đối mặt cách nhau khoảng 01 mét, T1 cầm phần đầu ống điều bằng tay trái vung lên đánh một cái về phía L, phần ống điều có nỏ làm bằng gỗ trúng vào vùng má bên phải của L làm rách ra chảy máu. Sau đó được mọi người can ngăn nên cả hai đi về.

T1 đi xe ô tô về đỗ dừng xe bên lề đường, gần mép bờ mương trước của nhà em trai là Nguyễn Văn T. Còn L do vẫn còn bức tức nên đã về nhà mình lấy một con dao dạng sít, dài khoảng 40cm đi bộ đến nhà T1 mục đích để giải quyết mâu thuẫn với T1. Khi L đến gần cổng nhà T1, thấy xe ô tô của T1 đang đỗ ở trước cổng nhà Nguyễn Văn T. T1 thấy L cầm dao đến thì chạy về phía cổng nhà T và đứng ở phía trước đầu xe ô tô. Khi L đi gần đến phía sau ô tô của T1, L cầm dao ném mạnh vào phía sau xe ô tô của T1, hậu quả làm phần kính chắn gió

phía sau xe ô tô bị vỡ, con dao văng xuống ruộng nước. Lúc này Nguyễn Văn T em trai của Nguyễn Văn T1 ở trong nhà đi ra nhìn thấy L ném dao vào xe ô tô của T1 làm vỡ kính chắn gió về phía sau ô tô và đang chửi bới T1, nên T đi về phía trước mặt L dùng tay phải nắm mạnh một cái vào vị trí cằm bên trái của L làm L ngã nằm xuống mặt đường, T đi vào nhà, L được đưa đến bệnh viện Đa khoa huyện Thọ Xuân cấp cứu và đi điều trị thương tích tại Bệnh viện răng hàm mặt trung ương.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xem xét dấu vết trên thân thể của Trịnh Văn L xác định: Tại vị trí gò má bên phải có vết thương rách da chảy máu, xung quanh vết thương nề kích thước 02cm x 0,1cm bờ mép vết thương nham nhở; tại vị trí gò má bên trái có vết sưng nề kích thước 06cm x 04cm; tại vị trí cằm bên trái có vết trầy xước da dóm máu kích thước 01cm x 0,5cm; tại vị trí mặt ngoài cánh tay bên phải có vết sưng nề kích thước 08cm x 03cm.

Tại bản Kết luận giám định pháp y số 198/2018/TTPY ngày 13/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trịnh Văn L do thương tích gây nên là 27%.

Thương tích của Trịnh Văn L là do Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T cùng gây nên, thời gian gây án và địa điểm gây án khác nhau nên ngày 09/4/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y bổ sung để xác định tỷ lệ thương tích mà Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T gây ra cho Trịnh Văn L. Tại bản Kết luận giám định pháp y bổ sung về cơ chế hình thành thương tích số 199/2018/TTPY ngày 16/4/2018 kết luận: Tại vị trí cằm bên trái có vết trầy xước ra rớm máu kích thước 1x0,5cm; gây tổn thương gãy lồi cầu xương hàm dưới bên trái và trầy xước da rớm máu vùng cằm bên trái; đã được phẫu thuật kết xương; hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng cằm bên trái và hình ảnh gãy lồi cầu xương hàm dưới bên trái; di chứng gãy dính khớp hạn chế há miệng độ nở ~ 2cm; khớp cắn đúng 26%. Tại vị trí gò má phải có vết thương rách da chảy máu, xung quanh vết thương sưng nề kích thước 2 x 0,1cm, bờ mép vết thương nham nhở, vết đã khô; đã được điều trị; hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng gò má phải: 1%.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh L kê khai yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 phải bồi thường tổng số tiền là 240.345.000đ

Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc điều cày làm bằng ống nứa, dài 60cm, đường kính rộng 4,5cm. Vật chứng trên đang được quản lý theo quy định của

pháp luật.

Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2018/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân. Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b,i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1. Căn cứ Điều 357; Điều 468; Điều 590 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ vào Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi T) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/11/2018).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 6 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/11/2018).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 cho UBND xã H, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 phải bồi thường cho anh Trịnh Văn L tổng số tiền là 73.806.569đ, trong đó: bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường 69.806.569đ, bị cáo Nguyễn Văn T1 phải bồi thường 4.000.000đ cho anh Trịnh Văn L.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường được 10.000.000đ, bị cáo Nguyễn Văn T1 đã bồi thường được 2.000.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân;

Nguyễn Văn T còn phải bồi thường cho anh Trịnh Văn L số tiền là 59.806.569đ. Nguyễn Văn T1 còn phải bồi thường cho anh Trịnh Văn L số tiền

là 2.000.000đ.

Anh Trịnh Văn L được nhận số tiền 10.000.000đ do Nguyễn Văn T đã tự nguyện giao nộp và 2.000.000đ do Nguyễn Văn T1 tự nguyện giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo các Biên lai thu tiền số AA/2010/008980 ngày 15/11/2018 và số AA/2010/008981 ngày 15/11/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018, bị cáo Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 134 BLHS tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo là không đúng vì bị cáo không phạm tội, bị cáo không dùng điều cày đánh bị hại, chỉ dùng tay tát không gây tổn thương cho bị hại.

Ngày 30/11/2018, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo nội dung: Bị cáo gây thương tích cho anh L là hành vi “gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân” theo quy định tại Điều 135 BLHS vì anh Trịnh Văn L cũng đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân khởi tố. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 134 BLHS tuyên phạt T 24 tháng tù cho hưởng án treo là không đúng vì T không phạm tội. Đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án theo trình tự phúc thẩm để xét xử đúng người, đúng tội.

Ngày 30/11/2018, bị hại Trịnh Văn L kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo gồm: phạm tội có tính chất côn đồ; không thành khẩn khai báo, nhận tội; có hành vi đe dọa người bị hại, người làm chứng. Chấp nhận mức yêu cầu bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người bị hại đều không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 356 BLTTHS 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của các luật sư bào chữa cho các bị cáo T1 và T:

Luật sư Lê Ngọc T: Hành vi của các bị cáo đúng là đã gây thương tích cho anh L, nhưng các bị cáo bị xét xử theo khoản 1 Điều 134 BLHS là oan, sai. Bị cáo T gây thương tích cho anh L trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (L đã bị khởi tố, truy tố và đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản, người bị hại là Nguyễn Văn T1), do đó hành vi của bị cáo T chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự. Mức hình phạt đối với T1 là

quá nặng, đề nghị áp dụng triệt để các tình tiết giảm nhẹ gồm: khai báo thành khẩn, tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội do bức xúc vì bị hại chửi bới, tổn hại sức khỏe của bị hại không lớn (1%) xem xét lại hình phạt cho bị cáo T1. Đề nghị xem xét lại tính hợp pháp của các hóa đơn, chứng từ và thời gian điều trị vết thương của bị hại trong phần bồi thường dân sự.

Luật sư Trịnh Ngọc N: Việc điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo T vì phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại xem hành vi của bị hại có trái pháp luật không mới xác định được tội danh của T; lời khai của người bị hại, bị cáo, người làm chứng còn có mâu thuẫn (việc chửi bới nhau do ai khởi xướng trước, bị hại khai T1 dùng điều cày đánh bị hại đến đập ông điều mới thôi, bị hại không ném dao vào xe của T1...) nhưng chưa được làm rõ.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Anh L chưa bị kết án về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản nên không thể suy đoán để cho rằng hành vi của anh L là trái pháp luật gây kích động cho bị cáo. Thể lực của anh L yếu hơn rất nhiều so với T1, việc T1 đánh anh L xảy ra tại nhà anh Hải là cháu ruột của T1 là bất lợi cho L nên L không thể là người gây sự trước; anh L cầm điều cày có thể để hút thuốc hoặc tự vệ, không thể nhận định là để đánh T1. Đề nghị HĐXX không chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo mà áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ (không có mâu thuẫn nhưng các bị cáo vô cớ gây thương tích nặng cho bị hại); xác định các bị cáo đồng phạm và cách ly các bị cáo khỏi xã hội, không cho hưởng án treo. Buộc các bị cáo bồi thường một lần số tiền chi phí bị hại đã kê khai trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

[1.1]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Bị cáo thừa nhận chiều ngày 08/02/2018 tại nhà anh Nguyễn Văn H ở thôn 6, xã H, huyện Thọ Xuân. Giữa Nguyễn Văn T1 và Trịnh Văn L có xảy ra xô xát, T1 đã cầm ống điều làm từ thân cây nứa dùng để hút thuốc lào bằng tay trái vung lên đánh một cái về phía L, phần ống điều có nỏ làm bằng gỗ trúng vào vùng má bên phải của L làm rách ra chảy máu, gây tổn hại 1% sức khỏe cho L. Tại phiên tòa bị cáo T1 thừa nhận việc gây thương tích cho L và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là chính xác.

[1.2]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo T thừa nhận chiều ngày 08/02/2018 (là chiều 23 Tết) tại vị trí trước cửa nhà của bị cáo ở thôn H, do bị kích động vì hành vi bị hại ném dao làm hư hỏng xe ô tô của bị cáo T1 (là anh trai T) và chửi bới xúc phạm bố mẹ bị cáo (đã mất) nên bị cáo đã dùng tay đâm một cái vào vùng mặt của L. Bị cáo thừa nhận thương tích 26% của L là do bị cáo gây ra nhưng hành động của bị cáo xuất phát từ việc bị kích động do hành vi trái pháp luật của L nên chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 134 BLHS là không chính xác.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm người bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu về việc người bị hại Trịnh Văn L bị khởi tố, truy tố và đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” đối với chiếc xe ô tô của bị cáo Nguyễn Văn T1 ngày 08/02/2018 (vụ án chưa xét xử). Tuy nhiên, trong vụ án này chưa có tài liệu, chứng cứ xác định hành vi và thiệt hại mà người bị hại Trịnh Văn L gây ra cho bị cáo Nguyễn Văn T1 nên HĐXX không có căn cứ xác định hành vi của Trịnh Văn L tác động như thế nào đến hành vi Nguyễn Văn T gây thương tích cho L, cụ thể là: Nguyễn Văn T có phạm tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; hoặc có phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra hay không?.

Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 358 của BLTTHS hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Do hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại nên HĐXX không xét các nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1 và của người bị hại. Các vấn đề của vụ án sẽ được xem xét trong quá trình điều tra, xét xử lại vụ án.

[4]. Về án phí: Các bị cáo không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 60/2018/HS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân để điều tra lại.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân để tiến hành điều tra lại theo thủ tục chung của BLTTHS.

2. Án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân
- TAND huyện Thọ Xuân;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người bào chữa; người BVQ&LIHP;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thu Hương